

KÍ HIỆU CÁC ĐẠI LƯỢNG KÍ THUẬT THÔNG DỤNG

Đại lượng âm

TCVN
325 - 69

Khuyến khích áp dụng

Các đại lượng âm thông dụng được kí hiệu theo qui định trong bảng dưới đây :

Số thứ tự	Tên gọi đại lượng	Kí hiệu	
		chính	phụ
1	Tần số	f	ν
2	Tần số góc Chỉ chú. $\omega = 2\pi f$	ω	Ω
3	Áp suất âm thanh Chỉ chú. $p = \frac{F}{S}$ F — lực pháp của làn sóng âm S — bề mặt	p	
4	Tốc độ thể tích âm thanh Chỉ chú. $q = v \cdot S$ v — tốc độ dài S — bề mặt	q	U

Số thứ tự	Tên gọi đại lượng	Kí hiệu	
		chính	phụ
5	Sức cản âm học Chỉ chú. $R_a = \frac{p}{q}$ p — áp suất âm thanh q — tốc độ thể tích âm thanh	R_a	Z_a
6	Công suất âm thanh	P	
7	Cường độ âm thanh	I	J
8	Mật độ năng lượng âm thanh	E	
9	Sức cản cơ học của hệ thống âm thanh	R_c	Z_c
10	Mức áp suất âm thanh	L_p	
11	Mức cường độ âm thanh	L_i	
12	Mức to	L_N	λ
13	Quãng tần số	Δ	

Tham khảo :

1. Kí hiệu phụ nêu trong bảng chỉ được dùng để thay kí hiệu chính khi cần tránh nhầm lẫn trong trường hợp kí hiệu chính đã được dùng để biểu thị một đại lượng khác.

2. Được phép dùng các chỉ số khi cần phân biệt sự khác nhau giữa một số đại lượng có cùng một kí hiệu chung, ví dụ để biểu thị các quá trình, vật chất, vật liệu, loại tải trọng v.v... khác nhau thuộc cùng một kí hiệu.

Chỉ số được đặt ở phía dưới bên phải của kí hiệu, có thể là con số (ví dụ : f_1), có thể là chữ cái (ví dụ : ω_1).

Chỉ trong một số trường hợp đặc biệt mới ghi chỉ số ở phía trên về bên trái của kí hiệu. Nếu ghi ở bên trái về phía trên của kí hiệu thì nên cho trong dấu ngoặc (ví dụ : $^{(k)}R_0$ hoặc $R_0^{(k)}$).

Trường hợp dùng nhiều chỉ số (ví dụ khi cần biểu thị nhiều đặc trưng) cho cùng một kí hiệu, cho phép in cách các chỉ số đó bằng dấu phẩy khi cần thiết.